

Củ Chi, ngày 27 tháng 04 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán, quyết toán ngân sách và nguồn khác từ
01/01/2022 đến 31/03/2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán và quyết toán ngân sách và nguồn khác từ 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 03 năm 2022 của trường THPT Quang Trung theo các biểu mẫu đính kèm.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Tổ trưởng văn phòng, bộ phận kế toán, hội đồng sư phạm nhà trường và các bộ phận khác có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng KHTC Sở GDĐT
- Lưu VT, KT



HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Uyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG

Chương: 422

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, NGUỒN KHÁC NĂM 2022

Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022

(Kèm theo Quyết định số 81/QĐ-THPT-QT ngày 27/04/2022 của Trường THPT Quang Trung)

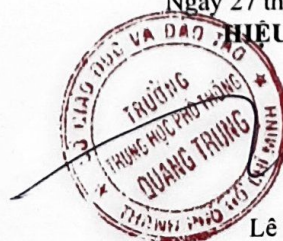
Đơn vị sử dụng ngân sách

Đơn vị tính : đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
	DỰ TOÁN THU		
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	735.600.000	
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Số thu hoạt động sản xuất kinh doanh - dịch vụ	582.000.000	
2.1	Học phí	-	
2.2	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	512.000.000	
2.3	Căn tin + Giữ xe	70.000.000	
2.4	Giữ xe		
2.5	Hồ bơi		
2.6	Thu lãi ngân hàng (nếu có)		
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách	18.240.000	
3.1	Phí -lệ phí	-	
3.2	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ		
3.2.1	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	10.240.000	
3.2.2	Căn tin + giữ xe	8.000.000	
3.2.3	Giữ xe		
3.2.4	Hồ bơi		
3.2.5	Thu lãi ngân hàng (nếu có)		
4	Thu viện trợ, tài trợ	153.600.000	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	717.360.000	
1	Phí -lệ phí		
2	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	563.760.000	
2.1	Học phí	-	
2.2	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	501.760.000	
2.3	Căn tin + giữ xe	62.000.000	
2.4	Giữ xe	-	
2.5	Hồ bơi	-	
2.6	Thu lãi ngân hàng (nếu có)		
3	Thu viện trợ, tài trợ	153.600.000	
3.1	Hỗ trợ kinh phí khen thưởng học sinh	88.000.000	
3.2	Chi thanh toán tiền sửa chữa lớp học	10.600.000	
3.3	Hỗ trợ học sinh khó khăn	15.000.000	
3.4	Hỗ trợ nghiên cứu khoa học, ứng dụng đồ dùng dạy học	15.000.000	
3.5	Hỗ trợ sửa chữa , nâng cấp phòng máy vi tính HS	25.000.000	
4	Hoạt động sự nghiệp khác		
III	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.655.560	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo,	2.655.560	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	
1.2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (Thường xuyên)	-	
1.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.655.560	
1.4	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (Không thường xuyên)	-	

Ngày 27 tháng 04 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Uyên

Đơn vị: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG

Chương: 422

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC
Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022

(Kèm theo Quyết định số 81/QĐ-THPT-QT ngày 27/04/2022 của Trường THPT Quang Trung)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu QT được duyệt
I	Quyết toán thu		
A	Tổng số thu	737.500.000	
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	737.500.000	
	Học phí	-	
	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	674.000.000	
	Căn tin + Giữ xe	63.500.000	
	Giữ xe		
	Hồ bơi	-	
	Thu lãi ngân hàng		
3	Thu sự nghiệp khác	-	
	Ôn tập thi TN. THPT QG		
B	Chi từ nguồn thu được để lại	679.842.800	-
1.1	Chi học phí công lập	-	-
	Trả lương cho nhân viên phục vụ, bảo vệ, thiết bị		
	Công tác giám thị		
	Mua đồ dùng vệ sinh, văn phòng phẩm		
	Mua đồng phục bảo vệ, TDTT, GDQP		
	Tiền xe đưa giáo viên đi công tác, đi hội thao văn thể mỹ		
	In sổ điểm, giấy khen, phiếu điểm		
	Giám khảo các phong trào văn thể mỹ		
	Thuê máy photocopy, sửa chữa máy chiếu, bảo trì máy vi tính		
	Ban thanh tra nhân dân		
	Đăng thông tin trường trên báo Xuân		
	Huấn luyện câu lạc bộ TDTT		
	Chi phụ trách QL Website, công tác tổ chức		
	Đồ dùng dạy học		
	Khám sức khỏe học sinh		
1.2	Chi tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	623.692.800	-
	Giảng dạy	393.320.000	
	Coi kiểm tra tập trung	47.441.500	
	Chi hợp đồng thuê mướn: quét dọn sân trường, tưới cây kiểng, phun thuốc diệt khuẩn.....	25.990.000	
	Quản lý, bộ phận gián tiếp	79.200.000	
	Chi hoạt động chuyên môn, văn thể mỹ, sách tham khảo	11.560.000	
	Chi hoạt động khác: tiền điện, internet ...	4.440.000	
	Mua sắm công cụ dụng cụ, văn phòng phẩm, đồ dùng vệ sinh	3.429.000	
	Sửa chữa nhỏ, bảo trì hệ thống điện nước, máy móc thiết bị, cây xanh	58.312.300	
1.3	Hoạt động cho thuê mặt bằng	56.150.000	-
	Trích nguồn CCTL	22.460.000	
	Trích quỹ phát triển sự nghiệp	33.690.000	
1.4	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	
	Thanh toán các phí chuyển tiền và quản lý TK		
	Trích nguồn CCTL	-	



Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu QT được duyệt
	Trích quỹ phát triển sự nghiệp	-	
1.5	Hoạt động sự nghiệp khác (ôn tập thi TN)	-	-
	Giảng dạy		
	Công tác giám thị		
	Quản lý và bộ phận gián tiếp		
	Hỗ trợ hoạt động		
C	Số thu nộp NSNN	20.830.000	
	Hoạt động cho thuê mặt bằng (thuế GTGT, TNDN, môn bài)	7.350.000	
	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày (thuế TNDN)	13.480.000	
	Thu lãi ngân hàng (thuế TNDN)	-	
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước		
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	2.165.914.385	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.165.914.385	
MLNS	Nội dung kinh tế		
6001	Lương theo ngạch, bậc	1.065.648.000	
6101	Phụ cấp chức vụ	21.679.500	
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	894.000	
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	421.192.159	
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	2.011.500	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	196.501.790	
6299	Chi khác	1.684.200	
6301	Bảo hiểm xã hội	224.670.151	
6302	Bảo hiểm y tế	38.514.878	
6303	Kinh phí công đoàn	-	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	12.838.293	
6449	Chi khác	97.500.000	
6501	Tiền điện	26.532.060	
6504	Tiền vệ sinh, môi trường	800.000	
6599	Vật tư văn phòng khác	4.647.500	
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	352.469	
6603	Cước phí bưu chính	528.135	
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	925.650	
6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách báo, tạp chí thư viện.	10.151.200	
6618	Khoản điện thoại	3.450.000	
6704	Khoản công tác phí	9.000.000	
6751	Thuê phương tiện vận chuyển.	11.650.000	
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	1.540.000	
7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động.	10.540.000	
7049	Chi khác	1.050.000	
7756	Chi các khoản phí và lệ phí	262.900	
7799	Chi các khoản khác	1.350.000	

Ngày 27 tháng 04 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Uyên